

## BÁO CÁO THAM LUẬN

### Công tác chuyên đổi số Ngành tài nguyên và môi trường và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025

(Tài liệu Phục vụ Hội nghị Tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ  
năm 2025 của Ngành tài nguyên và môi trường)

### I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYÊN ĐỔI SỐ

Trong thời gian qua, được Lãnh đạo Bộ đã quan tâm, chỉ đạo quyết liệt; các đơn vị, thủ trưởng các đơn vị, công chức, viên chức, người lao động trong ngành tích cực, chủ động, công tác chuyên đổi số đã đạt được các kết quả rất đáng khích lệ, được đánh giá cao (trong các bộ, ngành), cụ thể như sau:

#### 1. Công tác xây dựng, hướng dẫn văn bản quy phạm

Bộ đã hoàn thiện và tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật triển khai chuyên đổi số, phát triển Chính phủ điện tử (trong các Luật mới ban hành đều có Chương về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, giải quyết TTHC trên môi trường số; trong nội dung các Nghị định trình Chính phủ, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng và các văn bản hướng dẫn thực thi chuyên đổi số trong ngành).

#### 2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Cung cấp 90 DVCTT giải quyết TTHC theo thẩm quyền của Bộ: tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, định danh điện tử VneID, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về dân cư, nền tảng thanh toán trực tuyến, Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) và Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Cổng eSign); số hóa các hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt khoảng 80%; thiết lập Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân của Bộ, kết nối với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đã đạt 11/12 tiêu chí về DVCTT được giao.

- Triển khai cung cấp DVCTT thiết yếu, DVCTT trên Cổng một cửa quốc gia phục vụ giải quyết TTHC trên phạm vi bộ, ngành, địa phương.

#### 3. Triển khai Đề án 06/CP

- Đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao, còn 1 nhiệm vụ tồn đọng (do Nghị định sửa đổi chưa được thông qua).

- Cung cấp DVCTT sử dụng dữ liệu trong CSDL quốc gia về đất đai và kết nối với CSDL quốc gia về dân cư.

- Phối hợp cung cấp DVCTT về cư trú trên cơ sở kết nối, cung cấp CSDL đất đai (đã thực hiện tại Bình Dương, Đồng Nai (đến nay đã có 10.148 giao dịch), tiếp tục triển khai tại các địa phương khác trên cả nước).

- Thực hiện các nhiệm vụ về làm sạch dữ liệu đất đai, triển khai địa chỉ số, phối hợp rà soát phục vụ triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin kết nối với CSDL quốc gia về dân cư...

#### **4. Xây dựng, hoàn thiện, chia sẻ cơ sở dữ liệu**

- Thực hiện phát triển Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trong năm 2025; kết nối, chia sẻ dữ liệu của 63/63 đơn vị tỉnh, thành phố với 461/705 đơn vị cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị cấp xã với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Lần đầu tiên kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với CSDL quốc gia về dân cư để cung cấp dịch vụ công giải quyết TTHC về cư trú đã được triển khai tại Bình Dương, Đồng Nai và đang tiếp tục mở rộng triển khai trên toàn quốc.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng, hoàn thiện các CSDL quốc gia, lĩnh vực tài nguyên và môi trường; cơ bản các số liệu, dữ liệu là dữ liệu số, công nghệ quan trắc, thu nhận, đo đạc... áp dụng công nghệ số. Nổi bật như CSDL nền địa lý quốc gia, CSDL môi trường quốc gia, CSDL về khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, viễn thám.

- Công nghệ triển khai CSDL đã có bước tiến lớn, bắt đầu xây dựng, triển khai trên nền tảng dữ liệu lớn (big data), xây dựng kho tài nguyên số và tiền đề của phát triển các mô hình học máy, trí tuệ nhân tạo (AI).

- Hoàn thiện các nền tảng dùng chung phục vụ xây dựng CSDL: nền tảng quản trị CSDL, nền tảng dữ liệu lớn (big data), nền tảng IOT thu nhận dữ liệu, xây dựng kho tài nguyên số là tiền đề của phát triển các mô hình học máy, trí tuệ nhân tạo (AI).

#### **5. Chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành**

- Đã tiếp tục vận hành các hệ thống thông tin/CSDL phục vụ chỉ đạo điều hành như: sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số đạt 100% (thực chất); CSDL công chức, viên chức; các hệ thống phục vụ công tác quản lý KHCN, thống kê, báo cáo, hội nghị trực tuyến, cổng thông tin điện tử... góp phần chuyển đổi phương thức làm việc trên môi trường số.

- Vận hành đem lại lợi ích, hiệu quả, minh bạch, nhanh chóng, thuận lợi trong quản lý, điều hành, gắn với trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân.

## **6. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số**

- Hạ tầng số của Bộ sử dụng chung, công nghệ điện toán đám mây, có khả năng mở rộng, khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng an toàn thông tin, cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán, xử lý..., đã cung cấp 760 máy chủ, 7.800 CPU, 20.100 Gb RAM, 283.000 GB lưu trữ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ các Sở Tài nguyên và Môi trường. Vận hành 03 Trung tâm dữ liệu (02 tại Hà Nội; 01 dự phòng tại thành phố Hồ Chí Minh); Trung tâm dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ được khánh thành và đưa vào sử dụng phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đã triển khai bài bản, hiệu quả cao các nền tảng số dùng chung: Nền tảng định danh và xác thực người dùng hệ thống duy nhất, kết nối với CSDL công chức viên chức; tảng tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu của Bộ, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; nền tảng hợp trực tuyến; nền tảng IOT và thu nhận dữ liệu camera; nền tảng CSDL, CSDL lớn (big data); nền tảng Kho lưu trữ điện tử; nền tảng Công thông tin điện tử; nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính..

- Hoàn thành chuyển đổi IPv6 theo Chương trình IPv6 For Gov.

## **7. An toàn thông tin và bảo vệ an ninh mạng**

- Đã đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin chung theo hướng dẫn, giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, không để xảy ra các vụ việc lớn, các sự cố nhỏ được nhận diện và xử lý kịp thời.

- Hạ tầng công nghệ, giải pháp an toàn thông tin đã được từng bước hoàn thiện, bảo vệ an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; bảo vệ phòng chống phần mềm độc hại; công tác phê duyệt cấp độ, phương án ATTT, công tác giám sát, ứng phó... đã được thực hiện.

## **II. CÁC KHÓ KHĂN, TỒN TẠI**

**1.** Xây dựng các văn bản về quy định kỹ thuật thống nhất, đồng bộ đặc biệt là về CSDL còn chậm, dẫn đến triển khai khó khăn cả ở Bộ và bộ, ngành, địa phương. Quy trình kỹ thuật chuyên môn lạc hậu; chậm đổi mới theo công nghệ số, chưa lấy dữ liệu làm trung tâm.

**2.** Công tác đơn giản hóa TTHC cần tiếp tục đẩy mạnh, nhiều DVCTT chưa đáp ứng về DVCTT toàn trình; còn thiếu tích cực tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện trên môi trường trực tuyến; Tỷ lệ xử lý trực tuyến của một số lĩnh vực còn rất thấp.

**3.** Sử dụng các hệ thống thông tin/CSDL trong công tác điều hành, chuyển

đòi mạnh mẽ phương thức làm việc hoàn toàn trên môi trường số còn hạn chế: ban hành và tuân thủ các Quy chế sử dụng, vận hành các hệ thống còn chưa triệt để, quan tâm và nhận thức của người đứng đầu, công chức, viên chức trong đơn vị chưa đều, việc sử dụng thông tin trong CSDL còn hạn chế dẫn đến khó bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”.

4. Kết nối, cung cấp, chia sẻ, mở dữ liệu còn hạn chế, còn có tình trạng hạn chế, cát cứ thông tin.

5. Hạ tầng số nhiều đơn vị còn thiếu, manh mún; công tác bảo đảm an toàn thông tin còn hạn chế.

6. Nhân lực chuyên trách chuyên đổi số, tổng hợp, xử lý dữ liệu.. thiếu và yếu, khó tuyển dụng; kỹ năng số của công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu.

7. Kinh phí duy trì vận hành, bảo đảm hoạt động các hệ thống thông tin/CSDL và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin hạn chế, dẫn đến không đáp ứng yêu cầu về bảo trì kỹ thuật trang thiết bị, cập nhật bản quyền phần mềm (hiện nay các phần mềm thương mại đều phải mua bản quyền theo năm; các phần mềm nội bộ đều yêu cầu liên tục hoàn thiện, vá lỗi..).

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI**

1. Hoàn thiện quy định kỹ thuật về CSDL các lĩnh vực; quy trình kỹ thuật theo phương thức số, lấy dữ liệu làm trung tâm, thu thập dữ liệu số tại nguồn, quản lý, chia sẻ, phân tích, xử lý trên công nghệ số.

2. Xây dựng, hoàn thiện các CSDL quốc gia, lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, là hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia; sử dụng CSDL trong công tác hàng ngày, đáp ứng yêu cầu quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân phát triển kinh tế số, xã hội số; phục vụ giải quyết TTHC... là tiền đề bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và kết nối, liên thông, tích hợp với các CSDL quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của Luật Dữ liệu.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường số dựa trên dữ liệu: thực hiện toàn diện trên các ứng dụng số, hệ thống thông tin; xử lý, tổng hợp, thống kê trên CSDL phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định trên dữ liệu.

4. Nâng cao hiệu quả cung cấp DVCTT: Tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa hồ sơ, cung cấp DVCTT toàn trình để giải quyết TTHC, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

5. Vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin: Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hạ tầng số, nền tảng số bảo đảm hạ tầng số dùng

chung của Bộ, ngành, hoạt động thông suốt; bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cho các hệ thống thông tin/CSDL và các hoạt động chuyển đổi số.

**6.** Đào tạo tập huấn, nâng cao kỹ năng số, xử lý khai thác dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành. Thu hút, tạo điều kiện, ưu tiên nhân lực về chuyển đổi số, khoa học dữ liệu để triển khai, vận hành, cung cấp hạ tầng số, nền tảng số, CSDL, an toàn thông tin.. phục vụ chuyển đổi số ngành, góp phần chuyển đổi số quốc gia.

Trên đây là Báo cáo chuyên đề về công tác chuyển đổi số của Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường, trân trọng kính gửi Hội nghị Tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 ngành tài nguyên và môi trường./.